

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 14-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nhi**
2. Ông **Nguyễn Văn Huỳnh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Tổ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST – HNGĐ ngày 20/12/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chu Bích Ng**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ cư trú: Số 3/6 đường T.H, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Võ Đoàn Minh T**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ cư trú: Số 3/6 đường T.H, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và trình bày của chị Chu Bích Ng: Chị và anh Võ Đoàn Minh T kết hôn năm 1997 tại xã Đa Tông, huyện Đam Rông (lúc bấy giờ là huyện Lạc Dương), tỉnh Lâm Đồng. Vì mất giấy chứng nhận kết hôn nên vợ chồng chị Ng, anh T đăng ký kết hôn lại năm 2006 tại UBND xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong chăm sóc con, phát triển kinh tế gia đình, anh T không tôn trọng chị

cũng như gia đình chị Ng, mặc dù vợ chồng anh chị đã tìm nhiều biện pháp nhưng anh T vẫn không thay đổi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2015 thì vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau và từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh T có 02 con chung là Võ Nhật L, sinh ngày 02/4/2000 và Võ Nhật Q, sinh ngày 24/9/2003. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Nhật Q, không yêu cầu anh Võ Đoàn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Nhật L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên chị Ng không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Chị Ng xác định vợ chồng không có, không cho ai vay mượn tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ng xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Ng không còn yêu cầu gì khác.

2. *Tại bản tự khai và trình bày của anh Võ Đoàn Minh T:* Anh và chị Chu Bích Ng xây dựng gia đình với nhau vào năm 1997 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tại UBND xã Đa Tông, huyện Đam Rông (lúc bấy giờ là huyện Lạc Dương), tỉnh Lâm Đồng, vì mất giấy chứng nhận kết hôn nên vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn lại năm 2006 tại UBND xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng trong chăm sóc con, phát triển kinh tế gia đình, anh T đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn thì anh T không đồng ý, anh T muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy các con.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Võ Nhật L, sinh ngày 02/4/2000 và Võ Nhật Q, sinh ngày 24/9/2003. Trong trường hợp phải ly hôn thì anh T đồng ý giao Võ Nhật Q cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Võ Nhật L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên anh T không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không cho ai vay mượn tài sản gì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Chu Bích Ng được ly hôn anh Võ Đoàn Minh T.

- Về con chung: Đối với cháu Võ Nhật Q giải quyết theo nguyện vọng của con, tiếp tục giao cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Võ Nhật L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xem xét

- Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa chị Chu Bích Ng và anh Võ Đoàn Minh T, đều đăng ký tạm trú tại số 3/6 đường T.H, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Chu Bích Ng và anh Võ Đoàn Minh T xây dựng gia đình với nhau năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vì mất giấy chứng nhận kết hôn nên anh chị đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Đa Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng năm 2006 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được 03 - 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ng làm đơn xin ly hôn, còn anh T không đồng ý ly hôn vì muốn có một gia đình.

Qua xem xét lời khai, trình bày của các đương sự thì thấy rằng: Những mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng anh T, chị Ng xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong chăm sóc con, phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, không tôn trọng nhau, từ năm 2017 chị Ng và anh T đã tự sống ly thân đến nay. Các bên đương sự đều thừa nhận các mâu thuẫn trên và mâu thuẫn này xảy ra đã lâu. Anh T trình bày từ khi sống ly thân anh đã cố gắng thay đổi bản thân để níu kéo quan hệ hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng, không thay đổi và tại phiên tòa anh có nguyện vọng cho anh thời gian để khắc phục quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng anh T, chị Ng sống ly thân đến nay quan hệ vợ chồng vẫn không cải thiện, năm 2017 chị Ng đã từng có đơn xin ly hôn nhưng vì tương lai của các con nên chị Ng rút đơn, nay chị Ng lại tiếp tục xin ly hôn. Vì vậy, có cho anh T thời gian để hàn gắn quan hệ hôn nhân cũng không khắc phục được những mâu thuẫn vợ chồng. Ngoài ra các con chung cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị Ng đã kéo dài, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chị Ng có đơn khởi kiện xin ly hôn thì các con chung tôn trọng ý kiến của chị Ng. Như vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc và sự ổn định cuộc sống cho đương sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chu Bích Ng, xử cho chị Chu Bích Ng và anh Võ Đoàn Minh T ly hôn là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng chị Chu Bích Ng và anh Võ Đoàn Minh T có 02 con chung là Võ Nhật L, sinh ngày 02/4/2000 và Võ Nhật Q, sinh ngày 24/9/2003. Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Nhật Q và cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với chị Ng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 cần giao cháu Q cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, theo nguyện vọng của con. Đối với cháu Võ Nhật L đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết mà đây là trách nhiệm chung của chị Ng, anh T đối với con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Ng xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn anh T trình bày tại bản tự khai, phiên hòa giải không có tài sản chung nhưng tại phiên tòa anh T khai có. Tuy nhiên, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc chị Chu Bích Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chu Bích Ng, xử cho chị Chu Bích Ng được ly hôn anh Võ Đoàn Minh T.

2. Về con chung:

Giao con chung là Võ Nhật Q, sinh ngày 24/9/2003 cho chị Chu Bích Ng có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Chu Bích Ng phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001891 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Chị Chu Bích Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương (03);
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Thảo

